

AbSo-HT80



Model: ASHT80-H13-610x610x292-10/22-G

ASHT80: Lọc nhiệt độ cao 80°C

H13: Cấp độ lọc H13 theo EN1822

610x610x292: Kích thước WxLxD mm

10/22: Gioăng mặt gió vào / lưới bảo vệ hai mặt

G: Khung thép mạ kẽm

Mã MGT: HA13GR3N2YG-610x610x292

ỨNG DỤNG

- Chia gió bằng lá nhôm chịu nhiệt cao
- Thiết bị lọc lưu lượng cao và hiệu suất cao
- Chênh áp ban đầu thấp

Lọc HEPA chịu nhiệt độ cao, chia gió bằng lá nhôm

Khung: Thép mạ kẽm

Vật liệu lọc: Sợi thủy tinh

Khoảng cách lá ngăn: 3mm

Lưới bảo vệ: Cả hai mặt

Loại gioăng: High Heat

Gasket (Y), Polyurethane (P)

Vị trí đặt gioăng: Mặt gió vào

Hiệu suất hạt MPPS EN 1822:

E10 ($\geq 85\%$), H13 ($\geq 99.95\%$)

Nhiệt độ tối đa: 80°C

Độ ẩm tương đối: 100%

Giai đoạn lọc: II - III

Chênh áp cuối: 600Pa

Cấp độ chống cháy: K1/F1 theo tiêu chuẩn DIN53438

Model	Mã	Mã MGT	Kích thước WxLxD	Cấp lọc EN 1822	Diện tích vật liệu lọc (m ²)	Lưu lượng (m ³ /h)	Chênh áp ban đầu (Pa)	Trọng lượng (kg)
ASHT80-E10-305x305x292-10/22-G	929251M	HA10GR3N2YG	305x305x292	E10	8	800	125	7.5
ASHT80-E10-305x610x292-10/22-G	929252M	HA10GR3N2YG	305x610x292	E10	16	1600	125	12
ASHT80-E10-610x610x292-10/22-G	929253M	HA10GR3N2YG	610x610x292	E10	32	3200	125	21
ASHT80-E10-305x305x150-10/22-G	929254M	HA10GR3N2YG	305x305x150	E10	4	370	125	6
ASHT80-E10-305x610x150-10/22-G	929255M	HA10GR3N2YG	305x610x150	E10	8	750	125	9
ASHT80-E10-610x610x150-10/22-G	929256M	HA10GR3N2YG	610x610x150	E10	16	1500	125	15
ASHT80-H13-305x305x292-10/22-G	929201M	HA13GR3N2YG	305x305x292	H13	8	750	250	7.5
ASHT80-H13-305x610x292-10/22-G	929202M	HA13GR3N2YG	305x610x292	H13	16	1500	250	12
ASHT80-H13-610x610x292-10/22-G	929203M	HA13GR3N2YG	610x610x292	H13	32	3000	250	21
ASHT80-H13-305x305x150-10/22-G	929204M	HA13GR3N2YG	305x305x150	H13	4	370	250	6
ASHT80-H13-305x610x150-10/22-G	929205M	HA13GR3N2YG	305x610x150	H13	8	750	250	9
ASHT80-H13-610x610x150-10/22-G	929206M	HA13GR3N2YG	610x610x150	H13	16	1500	250	15
ASHT180-E10-305x305x292-10/22-G	939351M	HA10GR3N2PG	305x305x292	E10	8	800	125	7.5
ASHT180-E10-305x610x292-10/22-G	939352M	HA10GR3N2PG	305x610x292	E10	16	1600	125	12
ASHT180-E10-610x610x292-10/22-G	939353M	HA10GR3N2PG	610x610x292	E10	32	3200	125	21
ASHT180-E10-305x305x150-10/22-G	939354M	HA10GR3N2PG	305x305x150	E10	4	370	125	6
ASHT180-E10-305x610x150-10/22-G	939355M	HA10GR3N2PG	305x610x150	E10	8	750	125	9
ASHT180-E10-610x610x150-10/22-G	939356M	HA10GR3N2PG	610x610x150	E10	16	1500	125	15
ASHT180-H13-305x305x292-10/22-G	939301M	HA13GR3N2PG	305x305x292	H13	8	750	250	7.5
ASHT180-H13-305x610x292-10/22-G	939302M	HA13GR3N2PG	305x610x292	H13	16	1500	250	12
ASHT180-H13-610x610x292-10/22-G	939303M	HA13GR3N2PG	610x610x292	H13	32	3000	250	21
ASHT180-H13-305x305x150-10/22-G	939304M	HA13GR3N2PG	305x305x150	H13	4	370	250	6
ASHT180-H13-305x610x150-10/22-G	939305M	HA13GR3N2PG	305x610x150	H13	8	750	250	9
ASHT180-H13-610x610x150-10/22-G	939306M	HA13GR3N2PG	610x610x150	H13	16	1500	250	15

Tùy chọn khác theo yêu cầu:

Khung: Nhôm, Inox 304, Inox 316

Vật liệu lọc: Chịu nhiệt cao (Tối đa 180/250/350°C)

Khoảng cách lá ngăn: 5mm.

Lưới bảo vệ: Không, Mặt gió ra

Loại khung HF: đơn 20/25 mm, đôi 20/25 mm, tùy chỉnh

Loại gioăng: Không có, Cao su, EPDM, Giấy.

Vị trí gioăng: Không, Mặt gió ra, Cả hai mặt

Chứng nhận vệ sinh: Lọc HEPA | VDI 6022 Blatt 1:2018, VDI 3803 Blatt 1:2020, DIN 1946-4:2018, ISO 846:2019 Plastics, BS EN 17141:2020.

Vật liệu tuân thủ tiếp xúc thực phẩm: Lọc HEPA | (EC) No 1935/2004, (EC) No 2002/72, (EU) No 10/2011, (EU) No 2020/1245, U.S. FDA-Determining the Regulatory Status of Components of a Food Contact Material.

MADE IN TURKEY

Manufacturer: MGT